

Số: /QĐ-UBND Kháng Chiến, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng để thực hiện dự án: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Chí Minh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNG CHIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, được đính chính theo Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tràng Định về việc phân bổ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn huyện Tràng Định năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tràng Định năm 2022; Quyết định số 2927/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, thành lập bản mới giáp biên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Kháng Chiến về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi công trình: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, thành lập bản mới giáp biên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (Đợt 01); Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Kháng Chiến về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi công trình: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, thành lập bản mới giáp biên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (Đợt 02);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 30/TTr-KT ngày 22 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi **24.398,9** m² đất của UBND xã tại thôn 4, xã Kháng Chiến, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

STT	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	111	2	Thôn 4	1.989,9	RSX	Thu hồi một phần thửa đất
2	111	2	Thôn 4	11,1	RSX	Thu hồi Toàn bộ thửa đất
3	111	2	Thôn 4	19,3	RSX	Thu hồi Toàn bộ thửa đất

4	134	33	Thôn 4	428,0	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
5	192	33	Thôn 4	1,8	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
6	110	33	Thôn 4	80,0	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
7	134	33	Thôn 4	75,8	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
8	145	33	Thôn 4	45,3	ĐGT	Thu hồi một phần thửa đất
9	4	44	Thôn 4	39,5	ĐGT	Thu hồi một phần thửa đất
10	92	52	Thôn 4	64,1	ĐGT	Thu hồi một phần thửa đất
11	99	44	Thôn 4	39,2	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
12	20	61	Thôn 4	4,4	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
13	99	44	Thôn 4	129,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
14	99	44	Thôn 4	360,1	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
15	35	44	Thôn 4	171,0	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
16	17	44	Thôn 4	23,7	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
17	98	61	Thôn 4	6,1	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
18	55	71	Thôn 4	4,2	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
19	17	44	Thôn 4	712,8	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
20	99	44	Thôn 4	58,2	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
21	134	52	Thôn 4	20,9	DGT	Thu hồi một phần thửa đất

22	117	52	Thôn 4	40,3	SON	Thu hồi một phần thửa đất
23	34	44	Thôn 4	199,1	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
24	99	44	Thôn 4	65,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
25	99	44	Thôn 4	402,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
26	8	52	Thôn 4	34,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
27	8	52	Thôn 4	12,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
28	8	52	Thôn 4	580,2	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
29	98	61	Thôn 4	2,8	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
30	98	61	Thôn 4	29,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
31	55	71	Thôn 4	32,7	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
32	55	71	Thôn 4	1,8	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
33	33	33	Thôn 4	145,7	SON	Thu hồi một phần thửa đất
34	56	33	Thôn 4	153,7	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
35	134	33	Thôn 4	22,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
36	134	33	Thôn 4	416,0	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
37	145	33	Thôn 4	2.276,6	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
38	151	1	Thôn 4	7,2	RSX	Thu hồi một phần thửa đất
39	168	33	Thôn 4	107,8	DTL	Thu hồi một phần thửa đất

40	169	1	Thôn 4	139,0	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
41	6	44	Thôn 4	113,2	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
42	19	44	Thôn 4	221,5	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
43	34	44	Thôn 4	1.730,8	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
44	99	44	Thôn 4	143,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
45	45	44	Thôn 4	866,5	SON	Thu hồi một phần thửa đất
46	99	44	Thôn 4	77,5	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
47	99	44	Thôn 4	2,4	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
48	73	52	Thôn 4	33,0	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
49	92	52	Thôn 4	14,8	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
50	92	52	Thôn 4	1.277,5	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
51	117	52	Thôn 4	131,2	SON	Thu hồi một phần thửa đất
52	117	52	Thôn 4	209,8	SON	Thu hồi một phần thửa đất
53	117	52	Thôn 4	138,7	SON	Thu hồi một phần thửa đất
54	120	52	Thôn 4	116,1	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
55	134	52	Thôn 4	1.007,4	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
56	5	61	Thôn 4	148,9	SON	Thu hồi một phần thửa đất
57	11	61	Thôn 4	39,7	DGT	Thu hồi một phần thửa đất

58	20	61	Thôn 4	133,3	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
59	86	61	Thôn 4	2.206,1	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
60	55	71	Thôn 4	61,5	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
61	55	71	Thôn 4	106,9	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
62	55	71	Thôn 4	5,7	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
63	55	71	Thôn 4	34,6	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
64	68	71	Thôn 4	2.594,1	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
65	68	71	Thôn 4	29,0	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
66	73	71	Thôn 4	1,6	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
67	5	90	Thôn 4	10,6	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
68	18	80	Thôn 4	54,4	BCS	Thu hồi một phần thửa đất
69	35	80	Thôn 4	510	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
70	58	80	Thôn 4	3,7	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
71	58	80	Thôn 4	4,2	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
72	58	80	Thôn 4	32,1	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
73	58	80	Thôn 4	14,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
74	58	80	Thôn 4	31,1	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
75	58	80	Thôn 4	20,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất

76	58	80	Thôn 4	6,3	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
77	58	80	Thôn 4	11,4	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
78	58	80	Thôn 4	48,7	DCS	Thu hồi một phần thửa đất
79	59	80	Thôn 4	3.250,3	DGT	Thu hồi một phần thửa đất
Tổng cộng				24.398,9		

Lý do thu hồi đất: Sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ vùng đặc biệt khó khăn, vùng có nguy cơ thiên tai cấp bách tại xã Tân Minh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của xã.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã và tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Kháng Chiến./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- CNPTQĐ khu vực Trảng Định;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, (PKT).

Lương Trung Thuyền